

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/DS-ST
Ngày: 20 tháng 6 năm 2024
“*V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Cúc và ông Huỳnh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 20/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2023/TLST-DS ngày 20/11/2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-DS ngày 14/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2024/QĐST-DS ngày 31/5/2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ C, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

* *Bị đơn:* Bà Lưu Thị Bảo H, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ đăng ký thường trú: Tổ A, Khu phố N, thị trấn V, huyện VC, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà G, Tổ D, Khu phố S, thị trấn V, huyện VC, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Phương trình bày:*

Ngày 12/3/2023, bà Lưu Thị Bảo H có vay của ông số tiền 70.000.000 đồng, bà H tự tay viết Giấy mượn tiền đề ngày 12/3/2023, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày 12/3/2023 đến ngày 12/3/2024. Trong Giấy mượn

tiền không ghi thỏa thuận tiền lãi, lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận miệng bà H phải trả tiền lãi mỗi tháng 4.000.000 đồng, tương đương mức lãi suất 5,7%/tháng. Bà H chỉ mới trả cho ông số tiền lãi 2.000.000 đồng vào ngày 26/3/2023, người nhận số tiền lãi này là vợ ông bà Trần Thị H1. số tiền ông cho bà H vay là tài sản riêng của ông, bà H1 chỉ nhận tiền thay ông lúc ông không có mặt ở nhà, còn bà H1 không liên quan gì đến giao dịch vay tiền giữa ông với bà H. Từ sau ngày 26/3/2023 đến nay thì bà H không trả cho ông thêm được bất cứ khoản tiền nào. Ông tiếp tục yêu cầu bà H trả tiền lãi theo thỏa thuận thì bà H cố tình né tránh, không chịu trả tiền lãi. Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lưu Thị Bảo H phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 26/3/2023 đến ngày 26/10/2023 là 7.350.000 đồng (tương đương mức lãi suất 1,5%/tháng x 7 tháng); và yêu cầu bà H phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh sau ngày 26/10/2023 với mức lãi suất 1,5%/tháng.

** Bị đơn bà Lưu Thị Bảo H đã được Tòa án triệu tập họp lệ, thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ nhưng không thực hiện và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên không có lời khai.*

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;

+ Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự: Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn không chấp hành gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Ông P đưa ra được chứng cứ là Giấy mượn tiền đề ngày 12/3/2023, thể hiện bà H có vay của ông P số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày 12/3/2023 đến ngày 12/3/2024. Ông P và bà H có thỏa thuận riêng bằng miệng bà H phải trả tiền lãi mỗi tháng 4.000.000 đồng, tương đương mức lãi suất 5,7%/tháng. Bà H đã trả tiền lãi cho ông được 2.000.000 đồng vào ngày 26/3/2023, bà H đưa trực tiếp cho vợ ông P là bà Trần Thị H1 nhận, bà H1 cũng có văn bản ý kiến xác nhận về việc nhận thay ông P số tiền lãi 2.000.000 đồng từ bà H. Đối với bà H đã được Tòa án tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến trình bày. Như vậy có cơ sở xác định bà H vay ông P số tiền 70.000.000, các bên có thỏa thuận tiền lãi bằng

miệng và đã có phát sinh trả lãi. Bà H trả lãi số tiền 2.000.000 đồng vào kỳ hạn đầu tiên, đã vượt quá tiền lãi pháp luật quy định, nên số tiền lãi vượt quá được trừ vào tiền gốc để tính lãi kỳ tiếp theo. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc bà H phải trả cho ông P số tiền nợ gốc 69.166.667 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Bà H, ông P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Thanh P khởi kiện yêu cầu bà Lưu Thị Bảo H thanh toán nợ. Bà Hương có địa chỉ đăng ký thường trú tại: Tổ A, Khu phố N, thị trấn V, huyện VC, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ nơi ở tại: Số nhà G, Tổ D, Khu phố S, thị trấn V, huyện VC, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai và xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

[1.2] Về xác định tư cách đương sự và những người tham gia tố tụng: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định ông Nguyễn Thanh P là nguyên đơn, bà Lưu Thị Bảo H là bị đơn. Bà Trần Thị H1 (vợ của ông P) là người nhận khoản tiền lãi 2.000.000 đồng từ bà H vào ngày 26/3/2023, tuy nhiên cả ông P và bà H1 đều xác định bà H1 chỉ là người nhận tiền thay cho ông P, số tiền ông P cho bà H vay là tài sản riêng của ông P, bà H1 không liên quan gì đến giao dịch vay tiền giữa ông P với bà H. Do đó, Tòa án không đưa bà H1 vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[1.3] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[1.4] Về quyền khởi kiện: Do bà H Hương vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi nên ngày 17/11/2023 ông P khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán nợ gốc và lãi. Theo Giấy mượn tiền ngày 12/3/2023 có nội dung thỏa thuận: mọi tranh chấp phát sinh liên quan nếu không thương lượng được, bà H đồng ý chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Đến thời điểm Tòa án tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án thì cũng đã quá kỳ hạn của hợp đồng vay tiền giữa ông P và bà H. Do vậy,

căn cứ các Điều 3, 422, 428, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 5 và Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông P có quyền khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán nợ trước hạn và Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông P là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Nguyên đơn ông P trình bày bà H vay của ông số tiền 70.000.000 đồng, có lập Giấy mượn tiền đề ngày 12/3/2023 và bản chính giấy mượn tiền này đã được ông P cung cấp cho Tòa án. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày 12/3/2023 đến ngày 12/3/2024; đồng thời có thỏa thuận miệng bà H phải trả tiền lãi mỗi tháng 4.000.000 đồng, tương đương mức lãi suất 5,7%/tháng. Ông P thừa nhận bà H đã trả cho ông 2.000.000 đồng tiền lãi, người nhận tiền là bà Trần Thị H1 (vợ ông P), bà H1 cũng xác nhận điều này.

Đối với bà H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo cho bà H biết về việc ông P khởi kiện yêu cầu bà thanh toán nợ và yêu cầu bà cung cấp tài liệu, chứng cứ, đưa ra lời trình bày nhưng bà H không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến phản đối gì.

Như vậy, có cơ sở để xác định bà H đã vay ông P số tiền 70.000.000 đồng như ông P đã trình bày cùng các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp tại hồ sơ vụ án, các bên có thỏa thuận về tiền lãi và đã phát sinh trả lãi; nên xác định hợp đồng vay tiền giữa ông P và bà H là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Việc hai bên có thỏa thuận trả lãi mỗi tháng 4.000.000 đồng, tương đương lãi suất 5,7%/tháng là đã vượt quá mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông P khởi kiện yêu cầu bà H phải trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng vẫn phù hợp với mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Bà H đã trả 2.000.000 đồng tiền lãi cho ông P trong tháng đầu tiên của kỳ hạn vay, số tiền lãi bà H trả cho ông P đã vượt quá mức tiền lãi pháp luật quy định nên căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 9 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, số tiền này sẽ được căn trừ vào số tiền nợ gốc để làm cơ sở tính lãi đối với các kỳ tiếp theo. Cụ thể: tháng thứ nhất trong kỳ hạn vay, tiền lãi trong hạn tính theo quy định của pháp luật là: $70.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/12\text{tháng} = 1.166.667 \text{ đồng}$; bà H đã trả tiền lãi nhiều hơn quy định của pháp luật là 833.333 đồng, nên số tiền này được trừ vào tiền nợ gốc để làm cơ sở tính lãi cho các kỳ tiếp theo. Như vậy, kể từ ngày 27/3/2023, số tiền gốc bà H còn phải trả cho ông P là $70.000.000 \text{ đồng} - 833.333 \text{ đồng} = 69.166.667 \text{ đồng}$ và buộc bà Hương phải trả cho ông Phương số tiền gốc 69.166.667 đồng.

[2.3] Căn cứ Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, các loại lãi cần tính đối với hợp đồng vay có lãi gồm lãi trong hạn, lãi trên nợ lãi chưa trả, lãi quá hạn. Xác định tiền lãi trong hạn, nợ lãi trên nợ lãi và lãi quá hạn theo quy định pháp luật tính đến ngày xét xử sơ thẩm cụ thể như sau:

Lãi trong hạn: $(20\%/12 \text{ tháng} \times 69.166.667 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}) + (20\%/365 \text{ ngày} \times 69.166.667 \text{ đồng} \times 16 \text{ ngày}) = 13.286.949 \text{ đồng}$. Nợ lãi trên nợ lãi: $(13.286.949 \text{ đồng} \times 10\%/12 \text{ tháng} \times 03 \text{ tháng}) + (13.286.949 \text{ đồng} \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 08 \text{ ngày}) = 361.296 \text{ đồng}$. Lãi quá hạn: $[(150\% \times 20\%/12 \text{ tháng}) \times 69.166.667 \text{ đồng} \times 03 \text{ tháng}] + [(150\% \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 69.166.667 \text{ đồng} \times 08 \text{ ngày})] = 5.642.295 \text{ đồng}$.

Ông P yêu cầu bà H thanh toán tiền lãi tạm tính từ ngày 26/3/2023 đến ngày 26/10/2023 là 7.350.000 đồng (tương đương mức lãi suất 1,5%/tháng x 7 tháng); và yêu cầu bà H phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh sau ngày 26/10/2023 với mức lãi suất 1,5%/tháng. Do đó, xác định tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của ông P kể từ ngày 27/3/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm cụ thể như sau: $7.350.000 \text{ đồng} + (1,5\% \times 70.000.000 \text{ đồng} \times 07 \text{ tháng}) + (1,5\%/30 \text{ ngày} \times 70.000.000 \text{ đồng} \times 24 \text{ ngày}) = 15.540.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền lãi mà ông P yêu cầu bà H phải thanh toán thấp hơn tổng số tiền lãi tính theo quy định pháp luật tính đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án là có lợi cho bị đơn, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà H phải trả cho ông Phương số tiền lãi 15.540.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu khởi kiện của ông P được chấp nhận một phần về tiền gốc, ông P phải chịu số tiền án phí 300.000 đồng đối với phần tiền gốc không được chấp nhận, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005652 ngày 17/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; hoàn trả cho ông P số tiền tạm ứng án phí còn lại.

Bà H phải chịu số tiền án phí 4.235.333 đồng đối với số tiền gốc và tiền lãi mà bà H có nghĩa vụ phải trả cho ông P.

[5] Ý kiến và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 48, 49, 147, 186, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 3, 401, 422, 428, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 5, 9, 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh P về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc bà Lưu Thị Bảo H phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh P số tiền 84.706.667 đồng (tám mươi bốn triệu bảy trăm linh sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là 69.166.667 đồng (sáu mươi chín triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) và tiền lãi là 15.540.000 đồng (mười lăm triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông P phải chịu số tiền án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005652 ngày 17/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; hoàn trả cho ông P số tiền tạm ứng án phí 1.633.750 (một triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi) đồng còn lại.

Bà Lưu Thị Bảo H phải nộp số tiền án phí là 4.235.333 (bốn triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn ba trăm ba mươi ba) đồng.

3. Về quyền kháng cáo của đương sự: Ông P, bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người

được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Thái

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA